

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 11-5-2018

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Điều

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Mến

2/ Ông Nguyễn Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long: không tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2018, về tranh chấp “ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Văn Thanh N, sinh năm 1983.

Địa chỉ cư trú: Ấp RV, xã TC, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Trương Thị N, sinh năm 1986 “vắng mặt”

Địa chỉ cư trú: Ấp RV, xã TC, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 26/02/2018 và lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Văn Thanh N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và bị đơn chị Trương Thị N thành hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 15/01/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Trần Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau trên cơ sở tự nguyện. Thời gian chung sống được 07 năm, quá trình chung sống không hạnh phúc, hiện vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2017 đến nay.

Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn với chị N.

Về nuôi con: Vợ chồng không có con chung

Về chia tài sản: Anh chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có thông báo thụ lý vụ án và gửi các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho chị N biết đồng thời triệu tập các đương sự đến Tòa án tham gia phiên họp tiếp cận công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải nhưng phía chị N không trình bày ý kiến bằng văn bản cho Tòa án biết về yêu cầu khởi kiện của anh N và không tham gia phiên họp tiếp cận công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được giữa anh N, chị N, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập đương sự đến tham gia phiên tòa nhiều lần, chị Nguyệt vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn anh Văn Thanh N làm đơn khởi kiện xin ly hôn với bị đơn chị Trương Thị N nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chị Trương Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng bị đơn vắng mặt không lý do. Áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt chị N theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn anh Văn Thanh N và bị đơn chị Trương Thị N thành hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 15/01/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Trần Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

Xét trong quá trình chung sống anh N xác định không hạnh phúc phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống hiện anh, chị không còn chung sống với nhau từ năm 2017 đến nay, anh N xác định tình cảm vợ chồng không còn xin ly hôn chị N, chị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án giải quyết việc kiện với anh N nhưng chị N không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án vắng mặt không lý do. Chứng tỏ rằng tình trạng hôn nhân giữa anh N, chị N trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con: Anh, chị không có con chung nên không xem xét giải quyết.

Về chia tài sản: nguyên đơn xác định chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm : Anh N là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh N phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh N đã nộp 300.000 đồng, anh N không phải nộp tiếp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử: 1. **Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Văn Thanh N. Xử cho nguyên đơn anh Văn Thanh N được ly hôn với bị đơn chị Trương Thị N.

2. **Án phí dân sự sơ thẩm:** Anh Văn Thanh N phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh N đã nộp theo biên lai thu số 0014418 ngày 26/02/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TO anh N không phải nộp tiếp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện cùng cấp;
- UBND xã Trần Thới (giấy chứng nhận kết hôn số 09/2010 ngày 15/01/2010)
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

Đã ký

Nguyễn Văn Điều